

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 34/2023/DSST
Ngày 30 tháng 10 năm 2023
(V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Thành - Ông Phan Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/10/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 81/2023/TLST-DS ngày 12/6/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 250/2023/QĐXX-ST ngày 13/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2023/QĐ-HPT ngày 26/10/2023, giữa các đương sự.

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng C.

Địa chỉ: CC5, bán đảo L, H- H, Thành phố H

-Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

-Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hữu T1 - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C, Nghệ An - Có mặt.

*** Bị đơn:** +/- Ông Phan Văn S, sinh năm 1971(Chồng) - Có mặt.

Trú tại: xóm A, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1971(Vợ) - Có mặt.

Trú tại: xóm A, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Phan Thị H, sinh năm 2000 (Con)

Địa chỉ: xóm A, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C1 ông Phan Hữu T1 trình bày: Năm 2020 hộ gia ông Phan Văn S thường trú tại xóm A, xã T, huyện

Y, tỉnh Nghệ An có ba nhân khẩu gồm ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị V (vợ), chị Phan Thị H (con) đã được tập thể xóm A, xã T, huyện Y bình xét là hộ gia đình được vay khoản vay hộ cận nghèo vào đầu tháng 8/2020 và vay khoản nước sạch vệ sinh môi trường vào đầu tháng 11/2020. Việc lập hồ sơ vay vốn của hộ gia đình ông Phan Văn S cũng như các hộ khác khác được thông qua tổ vay vốn của xóm và tổ trưởng tổ vay vốn hướng dẫn làm hồ sơ. Sau khi hồ sơ vay vốn được hoàn thành thì tổ trưởng tổ vay vốn chuyển đến Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C, tỉnh Nghệ để xét duyệt.

Ngày 06/8/2020 thì Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C, tỉnh Nghệ An đã phê duyệt khoản vay hộ cận nghèo đối với hộ gia đình ông Phan Văn S theo Giấy đề nghị ngay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 02/8/2020. Số tiền được vay là 50.000.000đ, lãi suất trong hạn là 7,92% /năm, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 23/8/2025. Số tiền vay của hộ gia đình ông Phan Văn S đã được giải ngân vào ngày 13/8/2020 tại điểm giao dịch là trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Người nhận tiền khoản vay là bà Nguyễn Thị V (vợ ông S) người được ông Phan Văn S ủy quyền nhận tiền.

Ngày 08/11/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C tiếp tục phê duyệt khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường cho hộ gia đình ông Phan Văn S theo Giấy đề nghị ngay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/11/2020, với số tiền được vay là 20.000.000đ, lãi suất trong hạn là 9% /năm, lãi suất hạn là 130% năm, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/11/2025. Số tiền vay nước sạch vệ sinh môi trường đã được giải ngân vào ngày 13/11/2020 tại điểm giao dịch là trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Người nhận tiền khoản vay là bà Nguyễn Thị V (vợ ông S) được ông Phan Văn S ủy quyền nhận tiền.

Việc thu tiền lãi suất của hai khoản vay hàng tháng thì Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C, tỉnh Nghệ An ủy nhiệm lại cho tổ vay vốn thu, sau đó nộp lại ngân hàng. Từ lúc giải ngân của hai khoản cho đến ngày 12/3/2023 thì hộ gia đình ông S đã thanh toán lãi suất của hai khoản vay đầy đủ. Nhưng từ ngày 13/3/2023 đến nay thì hộ gia đình ông S không thanh toán tiền lãi suất của hai khoản vay. Thời gian này do bà Nguyễn Thị M xóm trưởng xóm A xã T, tổ trưởng tổ vay vốn chết, nên đại diện tổ vay vốn của xóm đã đến trực tiếp hộ gia đình ông S để thu tiền lãi. Quá trình thu tiền lãi ông S, bà Thị V cho rằng trong năm 2020 hộ gia đình ông S không vay khoản tiền nào của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C, nên không chấp nhận trả lãi suất. Do đó Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C đã phối hợp với UBND xã T làm việc với hộ gia đình ông S và các hộ khác có khoản vay tương tự. Sau khi cho bà Nguyễn Thị V vợ ông S xem lại hai hồ vay được lưu giữ tại ngân hàng và những đoạn VIDEO do Ngân hàng ghi lại cảnh bà Nguyễn Thị V nhận hai khoản tiền vay của ngân hàng thì bà V ký vào biên bản biên bản xác nhận nợ. Nhưng sau đó bà V, ông S thay đổi ý kiến không chấp nhận trả lãi, không thừa nhận hai khoản vay. Do hộ gia đình ông Phan Văn S vi phạm nghĩa vụ trả lãi suất đối với hai khoản vay, nên Ngân hàng C khởi kiện đề nghị buộc hộ gia đình ông Phan Văn S phải có nghĩa vụ trả nợ trước hạn cho Ngân hàng C hai khoản vay sau:

Khoản vay hộ cận nghèo được giải ngân ngày 13/8/2020 với số tiền gốc là 50.000.000 đ và tiền lãi trong hạn là 7,92% /năm, tạm tính từ ngày 13/3/2023 đến ngày xét xử ngày 30/10/2023 là 231 ngày với công thức tính lãi suất (50.000.000 đ x 7,92%/365 ngày x 231 ngày) = 2.506.191 đồng.

Khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường được giải ngân ngày 13/11/2020 với số tiền gốc là 20.000.000 đ và tiền lãi suất trong hạn 9% /năm tạm tính từ ngày 13/3/2023 tính đến ngày xét xử ngày 30/10/2023 là 231 ngày với công tính lãi (20.000.000 đ x 9%/365 ngày x 231 ngày) = 1.139.178 đồng.

- Quá trình viết bản tự khai, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị V, ông Phan Văn S trình bày: Năm 2014 và năm 2015 hộ gia đình ông Phan Văn S có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C, tỉnh Nghệ An hai khoản vay gồm: Khoản vay hộ cận nghèo 30.000.000 đồng và khoản vay nước sạch 12.000.000 đồng. Hai khoản vay này đã được hộ gia đình ông S đã thanh toán vào ngày 13/7/2017. Sau khi thanh toán xong hai khoản vay nêu trên cho đến nay thì hộ gia đình ông Phan Văn S không vay số tiền nào của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C. Đến ngày 12/4/2023 thì ông S, bà V thấy đại diện tổ vay vốn của xóm A, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An đến tận gia hộ đình thu lãi, lúc này ông S, bà V mới biết hộ gia đình ông Phan Văn S đang có hai khoản vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C vào tháng 8/2020 và tháng 11/2020 gồm khoản vay hộ cận nghèo được giải ngân ngày 13/8/2020 với số tiền vay là 50.000.000 đ và khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường được giải ngân ngày 13/11/2020 với số tiền vay là 20.000.00 đ. Bà V, ông S cho rằng hai hồ sơ vay tiền của hộ gia đình ông S vào năm 2020 là có sự gian dối, mạo dụng trong việc xây dựng hồ sơ để được vay tiền tại Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện C. Theo bà V, ông S đã là vay theo hộ gia đình thì chủ hộ là ông S được nhận tiền, nếu có người nhận thay thì trong phiếu giải ngân phải ghi tên người nhận thay không phải tên của chủ hộ Phan Văn S, trong khi đó các phiếu giải ngân lại ghi tên ông S nhưng người nhận lại là Nguyễn Thị V. Ông S bà V cho rằng chữ viết “V” “Nguyễn Thị V” để lại dưới chữ khách hàng tại Phiếu giải ngân ngày 13/8/2020 và ngày 13/11/2020 không phải chữ viết, chữ ký của bà V. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ gia đình ông Phan Văn S thanh toán hai khoản vay với tổng số tiền gốc 70.000.0000 đ và tiền lãi phát sinh thì vợ chồng bà V, ông S không đồng ý.

- Đối với chị Phan Thị H người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, là nhân khẩu trong hộ gia đình ông Phan Văn S1 đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu chị có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng chị H không hợp tác, cố tình vắng mặt, nên tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của chị Phan Thị H.

- Do bà Nguyễn Thị V không thừa về việc nhận tiền, không thừa nhận chữ ký, chữ viết của người nhận tiền để lại tại phiếu giải ngân 13/8/2020 và phiếu giải ngân ngày 13/11/2020. Nên người đại diện theo ủy quyền của N hàng CSXH Việt Nam yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị V tại V2 - Bộ C2 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại kết luận luận giám định số: 265/KLKTHS ngày 02/10/2023 của V2 Bộ C2 đã kết luận: Chữ viết “V” “Nguyễn Thị V” ở dưới chữ KHÁCH HÀNG tại phiếu giải ngân ngày 13/8/2020 và ngày 13/11/2020 (mẫu cần giám định) và chữ “V” “Nguyễn Thị V” tại những mẫu so sánh giám định gồm: Biên bản làm việc với một số hộ dân xóm 1 có đơn đề nghị vay vốn Ngân hàng CSXH huyện C ngày 05/5/2023 (01 bản gốc); Biên bản làm việc với một số hộ dân xóm 1 có đơn đề nghị vay vốn Ngân hàng CSXH huyện C ngày 12/5/2023 (01 bản gốc); Bản tự khai do bà Nguyễn Thị V khai tại tòa án vào ngày 03/7/2023 (01 bản gốc); Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 03/7/2023 (01 bản gốc); Bản bản tổng đạt ngày 18/7/2023 (01 bản gốc); Biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2023 (01 bản gốc) là do là do một người viết ra.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau:

***Về tố tụng:**

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, đúng quan hệ tranh chấp. Xác minh thu thập chứng cứ theo quy định tại chương VII BLTTDS; Toàn bộ chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp đều là bản chính hoặc bản có chứng thực, y sao của cơ quan có thẩm quyền. Thẩm phán đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ đúng quy định. Đã chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu theo quy định tại Điều 196, Điều 220 BLTTDS. Đã đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian quy định. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 227, 254, 258, 262 và Điều 264 BLTTDS năm 2015; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 BLTTDS năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, điều 71; Điều 72 và Điều 227 BLTTDS. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành, thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều 70; Điều 73 và Điều 227 của BLTTDS.

*** Về nội dung:** Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465; Điều 466, khoản 1, khoản 1 Điều 468 ; Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Đề nghị xử: Buộc hộ gia đình ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị V, chị Phan Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ngân hàng C tổng số tiền 73.645.369 đ (Bảy mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng), trong đó tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 3.645.369 đồng.

-Về án phí: Buộc hộ gia đình ông Phan Văn S bà Nguyễn Thị V, chị Phan Thị H phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có nơi cư trú là xóm A, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được qui định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục, tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị H.

[2] Về nội dung: Quá trình nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử khẳng định rằng: Sau khi được bình xét của tập thể xóm A, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An thì ngày 02/ 8/2020 và ngày 04/ 11/2020 hộ gia đình ông Phan Văn S ở xóm A, xã T, huyện Y đã làm Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn đối với khoản vay hộ cận nghèo và khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường. Hồ sơ vay vốn đã được Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện C phê duyệt chấp nhận, được giải ngân ngày 13/8/2020 đối với khoản vay hộ nghèo, giải ngân ngày 13/11/2020 đối với khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường. Người trực tiếp nhận tiền của hai khoản vay là bà Nguyễn Thị V vợ ông Phan Văn S được ông S chủ hộ ủy quyền nhận tiền tại Giấy ủy quyền về việc lĩnh hai khoản tiền vay tại Ngân hàng CSXH huyện C có chữ ký của người ủy quyền, người được ủy quyền và xác nhận của UBND xã T.

Bà V cho rằng bà không nhận tiền, không ký vào phiếu giải ngân ngày 13/8/2020 và phiếu giải ngân ngày 13/11/2020 là không có căn cứ, cơ sở để chấp nhận. Tại kết luận giám định số: 265/KLKTHS ngày 02/10/2023 của V2 Bộ C2 cũng đã khẳng định chữ “V” “Nguyễn Thị V” được viết dưới chữ KHÁCH HÀNG tại phiếu giải ngân ngày 13/8/2020 và phiếu giải ngân ngày 13/11/2020 (Mẫu giám định) và chữ “V” “Nguyễn Thị V” tại những mẫu so sánh giám định được tòa án thu thập là do một người ký và viết ra. Tức là chữ viết “V” “Nguyễn Thị V” được viết dưới chữ KHÁCH HÀNG tại phiếu giải ngân ngày 13/8/2020 và phiếu giải ngân ngày 13/11/2020 là do bà Nguyễn Thị V viết ra chứ không ai khác. Cơ sở chứng minh bà V người đại diện theo ủy quyền của ông S nhận tiền của hai khoản vay còn được Camera giám sát của Ngân hàng lưu lại, đã được trình chiếu tại phiên tòa. Do đó những suy luận chủ quan, biện luận, phân tích, tranh luận tại phiên tòa của ông S, bà V để chứng minh không vay tiền, không nhận tiền của hai khoản vay của Ngân hàng C trên là không có căn cứ để chấp nhận. Điều này cho thấy rằng ông S, bà V giả vờ cố tính không hiểu đối qui trình xây dựng hồ sơ vay vốn và qui trình nhận tiền của hộ gia đình ông S đối với Ngân hàng C đối khoản vay cận nghèo và nước sạch vệ sinh môi trường được giải ngân ngày 13/8/2020 và ngày 13/11/2020.

Theo hồ sơ vay vốn thì khoản vay hộ cận nghèo và khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường của hộ gia đình ông Phan Văn S chưa đến hạn phải thanh toán. Do hộ gia đình ông Phan Văn S vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi hàng tháng cho Ngân hàng C, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ gia đình ông Phan Văn S trả nợ gốc trước hạn của hai khoản vay với tổng số tiền gốc 70.000.000 đ và trả lãi khoản vay hộ nghèo số tiền gốc là 50.000.000 đ, với lãi suất trong hạn 7,92 % năm, tạm tính tạm tính từ ngày 13/3/2023 đến ngày xét xử ngày 30/10/2023 là 231 ngày với công thức tính lãi suất (50.000.000đ x 7,92%/365 ngày x 231 ngày) = 2.506.191 đồng và khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường với số tiền gốc là 20.000.000 đ và với lãi suất trong hạn 9% /năm tạm tính từ ngày 13/3/2023 tính đến ngày xét xử ngày 30/10/2023 là 231 ngày với công thức tính lãi (20.000.000 đ x 9%/365 ngày x 231 ngày) = 1.139.178 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Án phí: Buộc hộ gia đình ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị V, chị Phan Thị V1 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465; Điều 466, khoản 2 Điều 468 ; Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Xử: Buộc hộ gia đình ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị V, chị Phan Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C, tỉnh Nghệ An tổng số tiền 73.645.369 đ (Bảy mươi ba triệu , sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng), trong đó tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 3.645.369 đồng.

Kể từ ngày 01/11/2023 (sau ngày xét xử) hộ gia đình ông Phan Văn S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất của hai khoản vay được Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C, tỉnh Nghệ An phê duyệt vào ngày 06/8/2020 dưới Giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay đối với khoản vay hộ cận nghèo và dưới Giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay đối với khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường vào ngày 08/11/2020.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc hộ gia đình ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị V, chị Phan Thị H phải có nghĩa vụ liên đới nộp 3.682.000 đ (Ba triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP TA
- TAND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự.

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc